

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HSST

Ngày 27-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trí Dũng

Bà Tào Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐ-TA ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn H**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 28 tháng 12 năm 1991, tại xã Đ, thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông Ngô Đ (*sinh năm 1963*) và bà Lê Thị B (*sinh năm 1966*) cùng làm nông và trú thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; vợ: Hoàng Thị T (*sinh năm 1989*) trú thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; bị cáo có 02 con sinh năm 2015 và 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị tạm giữ ngày 30/12/2025, chuyển tạm giam ngày 08/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Đại Lộ Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Anh Trần Đình M, sinh năm 1991

2/ Ông Trần Đình K, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng.

(Các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh K1, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Trần Thị Kim L, sinh năm 1987

Địa chỉ: tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 29/12/2025, Ngô Văn H điều khiển xe mô tô BKS 43C1- 472.60 đi từ trung tâm thành phố Đ về hướng xã H, thành phố Đà Nẵng. Khi đi đến đoạn đường Q thuộc thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng, H thấy trong tiệm rửa xe “Khanh” có 02 chiếc xe đầu kéo mang biển kiểm soát 34H-053.84 và 34H-031.98 (do anh Trần Đình M sinh năm 1991 và anh Trần Đình K sinh năm 1988, cùng trú thôn Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng là lái xe) đang không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bình điện trong xe bán kiểm tiền tiêu xài. H điều khiển xe mô tô vào giữa hai xe đầu kéo rồi tìm lấy kèm vặn ốc giữ nắp cố định, mở lấy 01 bình điện JIATONGDA màu trắng loại 24V trên xe đầu kéo BKS 34H-053.84. Để không bị phát hiện, H dùng áo mưa quấn kín bình điện rồi cột cố định lên yên xe bằng dây cao su. H tiếp tục mở lấy 02 bình điện màu đen nhãn hiệu ENIMAC và GLOBAL trên xe đầu kéo BKS 34H-031.98 rồi mang để lên chỗ để chân ở giữa thân xe mô tô. Sau đó, H điều khiển xe chạy về hướng trung tâm thành phố Đà Nẵng để tìm nơi bán. Khi đi đến số nhà A tại đường L, phường C, thành phố Đà Nẵng, H thấy có tiệm thu mua phế liệu nên đi vào. Do tiệm đóng cửa nên H đặt ba bình điện xuống khu đất trống bên cạnh rồi cất áo mưa và dây cao su vào cốp xe rồi điều khiển xe đến nhà nghỉ gần khu vực bến xe Đ để ngủ. Đến khoảng 14 giờ ngày 30/12/2025, H điều khiển xe đến lại tiệm mua bán phế liệu thì bị Công an xã Đ đến kiểm tra, phát hiện. Qua làm việc, H khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp 03 bình điện cùng các đồ vật có liên quan.

Tại Kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự xã Đ kết luận: 01 bình điện màu trắng (52x41x23)cm, dòng số 613882328695 có giá trị là 15.300.000 đồng; 01 bình điện màu đen ENIMAC (47,5x20,5x19,5) có giá trị là 2.030.000 đồng; 01 bình điện nhãn hiệu GLOBAL (46,5x21x19,5) có giá trị là 2.940.000 đồng. Tổng giá trị là 20.270.000 đồng.

Tại cáo trạng số 07/CT-VKSKV11-HS ngày 16/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng truy tố bị cáo Ngô Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại hồ sơ vụ án, các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai về diễn biến vụ trộm cắp tài sản do bị cáo H thực hiện như nội dung lời khai của bị cáo đã được mô tả tại cáo trạng. Các bị hại Trần Đình M, Trần Đình K đã nhận lại tài sản bị mất và không có ý kiến gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim L xin nhận lại xe mô tô nhãn hiệu ATTLA màu vàng, BKS 43C1-472.60.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[1.2] Các bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về tội danh và định khung hình phạt:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Khoảng 23 giờ ngày 29/12/2025, tại tiệm rửa xe “Khanh” thuộc thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng, Ngô Văn H có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 bình điện trên 02 xe ô tô tải đầu kéo BKS 34H-053.84 và 34H-031.98 có tổng giá trị là 20.270.000 đồng.

Ngô Văn H là người trưởng thành, có hiểu biết pháp luật, bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nhưng với động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của các bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngô Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Bị cáo Ngô Văn H có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 bình điện trên 02 xe ô tô tải đầu kéo BKS 34H-053.84 và 34H-031.98 có tổng giá trị là 20.270.000 đồng. Hành vi của bị cáo là cố ý do đó cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc nhằm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại hồ sơ vụ án các bị hại Nguyễn Đình K2 và Nguyễn Đình M1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy các vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với xe mô tô BKS 43C1-472.60 là phương tiện Ngô Văn H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do bà Trần Thị Kim L (*sinh năm 1987, trú tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng*) là chủ sở hữu. Bà L không biết việc H sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không đề cập xử lý đối với bà L là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ : Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

3. Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn H 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: ngày 30/12/2025.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025); Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) xử lý vật chứng của vụ án đã được bàn giao sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Đà Nẵng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Đà Nẵng, cụ thể:.

* T1 trả cho bà Trần Thị Kim L 01 xe mô tô nhãn hiệu ATTILA màu vàng, BKS 43C1-472.60.

* Tuyên trả cho bị cáo Ngô Văn H 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Redmi có gắn 01 thẻ sim số 0899.327.368. Vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm màu đen.

- 01 áo mưa tiện lợi màu xanh dương.

- 01 đoạn dây su dài 03m, có hai đầu gắn móc kim loại.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Văn H phải chịu **200.000** (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11-ĐN;
- CQ CSĐT CA TP Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Đại Lộc;
- Trại TG số 02 Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng THA Dân sự khu vực 11, TPĐN;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng